

14	Lâm Văn	Lan	1243014	1990	7.4	7.9	7.2	6.2	7.7	7.1	7.9	6.9	8.1	8.6	7.3	6.9	7.6	8.6	6.5	7.6	Đủ đk
15	Nguyễn Hoàng	Long	1243015	1990	6.8	8.1	7.4	7.3	6.2	6.6	7.1	5.6	6.4	7.0	5.5	HL	HL	6.1	5.3		
16	Bùi Thị Trúc	Ly	1243016	1989	8.3	9.0	6.4	6.8	8.0	7.3	7.5	6.0	8.6	8.4	6.3	6.4	7.1	7.6	7.0	7.3	Đủ đk
17	Đoàn Hiếu	Nghĩa	1243017	1993	6.1	6.3	6.2	6.9	8.6	7.4	HL	6.5	HL	6.9	5.0	HL	5.4	7.4	5.6		
18	Lê Hoàng	Nhân	1243018	1990	5.7	8.7	7.2	7.0	6.1	7.4	HL	HL	HL	HL	5.5	HL	HL	6.3	5.4		
19	Trần Quang	Phong	1243019	1990	6.8	7.9	7.8	6.6	8.8	6.1	7.8	7.8	9.2	7.3	5.3	7.0	8.9	8.6	6.3	7.5	Đủ đk
20	Lê Gia	Phú	1243020	1991	5.9	8.4	5.6	6.9	7.5	6.7	7.3	6.9	7.8	8.6	5.3	HL	7.3	6.4	7.2		
21	Nguyễn Duy	Phương	1243021	1988	5.7	6.7	6.2	7.1	6.9	6.0	6.5	5.0	5.2	6.7	5.5	5.2	6.3	5.3	5.6	5.9	Đủ đk
22	Nguyễn Linh	Quân	1243022	1991	7.3	7.6	8.0	6.4	8.5	7.7	7.7	8.1	9.4	8.0	5.3	6.6	8.6	8.2	6.1	7.6	Đủ đk
23	Nguyễn Hoàng	Sơn	1243023	1988	7.3	8.4	7.0	6.9	5.9	6.1	6.9	7.4	7.5	7.7	5.5	5.8	7.0	6.4	5.3	6.5	Đủ đk
24	Nguyễn Minh	Tâm	1243024	1991	6.6	8.0	5.8	6.9	7.5	7.0	6.6	6.8	6.3	8.3	5.5	HL	7.1	6.7	6.1		
25	Phạm Duy	Tân	1243025	1990	6.1	6.9	5.8	6.0	HL	TL	HL	HL	HL	6.4	HL	HL	HL	HL	HL		
26	Ngô Văn	Thảo	1243026	1991	5.8	9.6	5.8	6.0	7.2	7.0	7.8	6.5	7.9	7.0	7.3	6.9	7.8	6.4	5.6	7.1	Đủ đk
27	Nguyễn Ngọc	Thượng	1243027	1986	7.1	7.7	7.6	7.1	7.5	6.4	6.9	6.3	7.3	7.0	5.5	6.1	7.1	7.0	5.4	6.6	Đủ đk
28	Hồ Chí	Tinh	1243028	1989	5.7	6.1	7.0	7.3	6.8	6.7	7.0	5.0	6.8	HL	6.5	HL	6.9	6.5	6.6		
29	Kha Thanh	Toàn	1243029	1992	7.2	8.1	7.4	6.6	8.9	6.7	6.6	6.2	5.6	6.6	6.0	5.5	7.3	5.9	5.3	6.4	Đủ đk
30	Mai Văn Minh	Trí	1243030	1987	4.5	8.7	7.6	6.7	7.3	5.7	6.9	6.0	6.7	6.7	5.8	5.5	7.5	8.1	5.4	6.5	Đủ đk
31	Huỳnh Huệ	Trí	1243031	1990	6.6	7.1	6.8	7.0	5.4	6.1	7.4	6.0	6.7	7.6	5.5	5.0	HL	6.3	5.3		
32	Nguyễn Trung	Trực	1243032	1988	6.9	8.7	7.4	6.6	6.0	6.4	7.1	6.8	7.6	8.0	5.5	6.4	7.5	7.6	7.2	6.9	Đủ đk
33	Đình Hoàng	Trung	1243033	1990	0.0	9.0	5.6	6.7	HL	7.7	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL		
34	Phạm Hoàng	Trung	1243034	1987	5.7	8.0	7.6	6.9	7.5	6.7	7.0	5.3	5.4	6.4	7.3	5.3	HL	5.6	6.9		
35	Nguyễn Ngọc	Tú	1243035	1988	7.6	8.1	6.4	6.5	7.5	7.7	7.3	6.0	8.1	8.3	5.3	6.2	7.3	7.0	7.1	7.1	Đủ đk
36	Phạm Hữu	Vinh	1243036	1992	7.4	8.1	7.6	6.9	9.4	7.4	7.3	6.6	7.6	8.0	6.0	6.6	7.3	6.1	8.3	7.3	Đủ đk
37	Dương Bùi Quốc	Vững	1243037	1990	7.1	8.9	6.8	6.9	7.5	6.7	7.4	6.6	7.3	7.0	6.0	5.3	5.4	5.9	6.8	6.5	Đủ đk
38	Dương Công	Ý	1243038	1991	7.5	8.6	7.6	6.3	5.6	7.4	6.8	6.6	6.3	6.7	5.0	5.6	6.9	5.6	5.9	6.2	Đủ đk
39	Lê Thanh	Long	1243039	1990	7.0	8.3	6.6	7.0	7.3	7.4	6.7	6.4	5.8	7.3	5.5	HL	6.8	7.0	5.7		